

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

TRẦN LÊ DUY

*Đánh giá hiệu quả canh tác trên ruộng bậc
thang tại Huyện Mù Cang Chải, Tỉnh Yên Bái*

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

(Chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp)

Thái Nguyên, năm 2009

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

TRẦN LÊ DUY

***Đánh giá hiệu quả canh tác trên ruộng bậc
thang tại Huyện Mù Cang Chải, Tỉnh Yên Bái***

Chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp
Mã số: 60 - 31 - 10

Luận văn Thạc sĩ kinh tế
(Kinh tế nông nghiệp)

Người hướng dẫn khoa học
PGS.TS. Trần Chí Thiện

Thái Nguyên, năm 2009

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn này do chính tôi thực hiện, dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS Trần Chí Thiện, số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn này hoàn toàn trung thực và chưa sử dụng để bảo vệ một công trình khoa học nào, các thông tin, tài liệu trích dẫn trong luận văn đã được chỉ rõ nguồn gốc. Mọi sự giúp đỡ cho việc hoàn thành luận văn đều đã được cảm ơn. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 10 năm 2009

Tác giả

TRẦN LÊ DUY

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học này tôi đã nhận được sự quan tâm và giúp đỡ của nhiều cá nhân và tập thể. Nhân dịp đây tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến:

Tập thể các thầy, cô giáo trong khoa Kinh tế trường Đại học KT & QTKD – ĐH Thái Nguyên đã tận tình chỉ bảo, truyền đạt cho chúng tôi những kiến thức quý báu trong suốt quá trình học tập tại trường.

Các cán bộ UBND cũng như các cán bộ trong phòng NN và PTNT huyện Mù Căng Chải đã tận tình chỉ bảo, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho tôi và các đồng nghiệp thu thập số liệu để hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học.

Đặc biệt tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và chân thành nhất của mình tới thầy giáo **TS. Trần Chí Thiện** đã trực tiếp hướng dẫn, chỉ bảo tôi trong suốt quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học của mình. Bên cạnh đó tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn tới **Th.S Nguyễn Quang Hợp** đã tận tình chỉ bảo và hướng dẫn chúng tôi hoàn thiện đề tài này.

Và cuối cùng tôi xin cảm ơn gia đình, bạn bè và các đồng nghiệp đã ủng hộ động viên tôi để hoàn thành khóa học này đề tài.

Xin chân thành cảm ơn!

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 10 năm 2009

HỌC VIÊN

Trần Lê Duy

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Thứ tự	Chữ viết tắt	Nghĩa
1	MCC	Mù Căng Chải
2	ATLT	An toàn lương thực
3	FAO	Tổ chức nông lương thế giới
4	MCC	Mù căng chải
5	RBT	Ruộng bậc thang
6	GO	Giá trị sản xuất
7	IC	Chi phí trung gian
8	VA	Giá trị gia tăng
9	CSHT	Cơ sở hạ tầng
10	KTXH	Kinh tế xã hội
11	UBND	Ủy ban nhân dân
12	GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
13	BQ	Bình quân
14	TB	Trung bình
15	DTBQ	Diện tích bình quân
16	TNBQ	Thu nhập bình quân
17	TT	Trồng trọt
18	CN	Chăn nuôi

MỤC LỤC BẢNG BIỂU

BẢNG	TÊN BẢNG	TRANG
2.1.	Tình hình sử dụng đất nông nghiệp qua 3 năm	56
2.2.	Khí tượng thủy văn của huyện	59
2.3.	Tình hình biến động dân số của huyện qua 3 năm	62
2.4.	Tình hình sử dụng lao động năm 2006 -2008	63
2.5.	Lương thực quy thóc bình quân của huyện	71
2.6.	Quan hệ giữa độ che phủ và xói mòn	73
2.7.	Đặc điểm chung của các hộ nghiên cứu	76
2.8.	Tình hình nhân khẩu, lao động của các hộ được điều tra	77
2.9.	Tình hình đất đai của nhóm hộ nghiên cứu	78
2.10.	Nguồn vốn của nhóm hộ nghiên cứu	79
2.11.	Tình hình sản xuất lúa trên RBT trên nhóm hộ điều tra	81
2.12.	Thu nhập bình quân của các nhóm hộ nghiên cứu	82
2.13.	Các giống lúa nông hộ sử dụng trên ruộng bậc thang	84
2.14.	Chi phí sản xuất của cây trồng lúa nước trên ruộng bậc thang	84
2.15.	Hiệu quả kinh tế trên RBT của nhóm hộ phân theo thu nhập	85
2.16.	Hiệu quả kinh tế trên RBT của nhóm hộ phân theo diện tích canh tác	86
2.17.	Kết quả phân tích hồi quy	89
2.18.	Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả xã hội của nhóm hộ	92
3.1.	Bố trí sử dụng đất nông nghiệp năm 2010	97

MỤC LỤC SƠ ĐỒ

SƠ ĐỒ	NỘI DUNG	TRANG
1.1.	Hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả phân phối	25
1.2.	Phản ánh sự mất bình đẳng trong phân phối sử dụng đất giữa các hộ	33
1.3.	Mô hình VAC	46
2.1.	<i>Cơ cấu của các nhóm đất chính</i>	56
2.2.	Mật độ tăng dân số và tốc độ tăng dân số của huyện	62
2.3.	Cơ cấu nguồn lao động của huyện qua 03 năm	64
2.4.	Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế của huyện	64
2.5.	Cơ cấu sử dụng vốn của nhóm hộ nghiên cứu	80
2.6.	Cơ cấu thu nhập của nhóm hộ nghiên cứu	82
2.7.	Tác động hiệu quả môi trường	96

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	9
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	9
2. Mục đích nghiên cứu	10
2.1. <i>Mục tiêu chung</i>	10
2.2. <i>Mục tiêu cụ thể</i>	10
3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu	11
4. Ý nghĩa khoa học của luận văn	11
5. Bố cục của luận văn.....	11
CHƯƠNG I.....	12
TỔNG QUAN TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	12
1.1. Tổng quan tài liệu nghiên cứu	12
1.1.1. <i>Cơ sở lý luận</i>	12
1.1.1.1. <i>Khái quát canh tác trên đất dốc</i>	12
1.1.1.2. <i>Khái niệm ruộng bậc thang</i>	25
1.1.1.3. <i>Các tiêu chí hiệu quả</i>	26
1.1.2. <i>Cơ sở thực tiễn</i>	42
1.1.2.1. <i>Kinh nghiệm canh tác trên ruộng bậc thang tại các quốc gia trên thế giới và Việt Nam</i>	42
1.1.2.2. <i>Tình hình canh tác trên đất dốc ở Việt Nam</i>	45
1.1.2.3. <i>Một số mô hình về canh tác trên ruộng bậc thang tại huyện Mù Cang Chải – tỉnh Yên Bái</i> (MCC).....	49
1.2. Phương pháp nghiên cứu	54
1.2.1. <i>Câu hỏi đặt ra</i>	54
1.2.2. <i>Phương pháp nghiên cứu cụ thể</i>	54
1.2.2.1. <i>Phương pháp thu thập thông tin</i>	54
1.2.2.2. <i>Phương pháp xử lý số liệu</i>	57
1.2.2.3. <i>Phương pháp phân tích số liệu</i>	57
1.3. Hệ thống các chỉ tiêu nghiên cứu	59
1.3.1. <i>Nhóm chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sản xuất tính trên 1 đơn vị diện tích đất</i>	59
1.3.2. <i>Nhóm chỉ tiêu phản ánh hiệu quả của vốn đầu tư</i>	59
1.3.3. <i>Nhóm chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng sức lao động</i>	59
1.3.4. <i>Nhóm các nhân tố so sánh khác</i>	59
1.3.4.1. <i>Một số chỉ tiêu về hiệu quả xã hội</i>	59
1.3.4.2. <i>Một số chỉ tiêu về hiệu quả môi trường</i>	59
CHƯƠNG II	54
THỰC TRẠNG CANH TÁC TRÊN RUỘNG BẬC THANG TẠI HUYỆN MÙ CANG CHẢI - TỈNH YÊN BÁI.....	54
2.1 Đặc điểm huyện Mù Cang Chải.....	54
2.1.1. <i>Điều kiện tự nhiên</i>	54
2.1.1.1. <i>Vị trí địa lý</i>	54
2.1.1.2. <i>Điều kiện đất đai, địa hình</i>	54
2.1.1.3. <i>Khí hậu, thủy văn</i>	58
2.1.1.4. <i>Đặc điểm tài nguyên rừng</i>	60

2.1.2. Đặc điểm kinh tế, xã hội.....	61
2.1.2.1. Dân số	61
2.1.2.2. Đặc điểm về lao động	63
2.1.2.3. Cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội của Huyện.....	66
2.1.3. Tình hình phát triển kinh tế của huyện Mù Cang Chải qua 03 năm (2006- 2008).....	67
2.1.4. Những thuận lợi – khó khăn của huyện Mù Cang Chải	68
2.1.4.1. Thuận lợi	68
2.1.4.2. Khó khăn	69
2.2. Thực trạng các phương thức canh tác trên ruộng bậc thang tại Huyện Mù Cang Chải	69
2.2.1 Khái quát về ruộng bậc thang ở Huyện Mù Cang Chải.....	69
2.2.1.1. Diện tích, năng suất, sản lượng	69
2.2.1.2. Tình hình phát triển trong những năm qua.....	71
2.2.2. Những thách thức đối với canh tác trên ruộng bậc thang	72
2.2.3. Tình hình cơ bản và đặc điểm của các hộ điều tra.....	74
2.2.3.1. Đặc điểm chung của nhóm hộ nghiên cứu.....	74
2.2.3.2. Tình hình nhân khẩu và lao động.....	77
2.2.3.3. Tình hình sử dụng đất đai	77
2.2.3.4. Tình hình sản xuất nông nghiệp của các hộ điều tra	79
2.2.4. Đánh giá hiệu quả canh tác trên ruộng bậc thang (RBT)	85
2.2.4.1. Hiệu quả về kinh tế	85
2.2.4.2. Hiệu quả về xã hội	91
2.2.4.3. Hiệu quả về môi trường	94
CHƯƠNG III.....	97
NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CANH TÁC TRÊN RUỘNG BẬC THANG TẠI HUYỆN MÙ CANG CHẢI - TỈNH YÊN BÁI	97
3.1. Các quan điểm và định hướng trong nâng cao hiệu quả canh tác trên ruộng bậc thang tại huyện Mù Cang Chải – tỉnh Yên Bái.....	97
3.1.1. Các quan điểm nâng cao hiệu quả canh tác trên ruộng bậc thang của huyện Mù Cang Chải – tỉnh Yên Bái.....	97
3.1.2. Định hướng phát triển ngành trồng trọt của huyện Mù Cang Chải.	98
3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả canh tác trên ruộng bậc thang tại huyện Mù Cang Chải - tỉnh Yên Bái	99
3.2.1. Các giải pháp nhằm tăng năng suất sản phẩm	99
3.2.2. Hoàn thiện các chính sách khuyến khích phát triển, mở rộng quy mô sản xuất lúa trên ruộng bậc thang	99
3.2.3. Đào tạo nguồn lực	100
3.2.4. Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp nông thôn.....	101
3.2.5. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn	102
3.2.6. Quy hoạch và hoàn thiện vùng chuyên canh trên ruộng bậc thang	102
KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ	103

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đất đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích đất tự nhiên của Việt Nam. Nhìn chung đây là những loại đất khó khai thác sử dụng và kém hiệu quả, đặc biệt khi đất đã mất thảm thực vật che phủ. Trong những năm 40 của thế kỷ XX, diện tích che phủ rừng nước ta khoảng 45%, đến những năm 80 chỉ còn 25%. Hiện nay diện tích che phủ rừng ở nước ta tăng lên khoảng 32%, tuy nhiên diện tích đất trống, đồi trọc còn khoảng 10 triệu ha. Đất dốc phân bố tất cả 9 vùng sinh thái của Việt nam nhưng chủ yếu tập trung ở vùng núi phía Bắc, Tây Trung bộ và Tây Nguyên.

Do thiếu đất sản xuất nên nông dân miền núi vẫn phải canh tác trên đất có độ dốc lớn chịu xói mòn rất mạnh và thời gian canh tác bị rút ngắn, thường chỉ trồng được 2 đến 3 vụ cây lương thực ngắn ngày, sau đó trồng sắn và bỏ hoang hóa. Dân số tăng dẫn đến bình quân diện tích đất trên đầu người bị giảm, thời gian bỏ hóa cũng rút ngắn xuống. Vì vậy khả năng tái tạo chất đất và độ phì của nó bị ảnh hưởng rất nhiều, hiệu quả canh tác ngày càng thấp. Kết quả là mức sống của những người nông dân ở miền đất dốc gặp rất nhiều khó khăn, luẩn quẩn trong vòng đói nghèo.

Trên thực tế, một số địa phương trong nước cũng như ngoài nước đã có cách canh tác thích ứng với điều kiện đất dốc, điển hình là hình thức “ruộng bậc thang” và đã đem lại những hiệu quả cao trong canh tác.

Theo dữ liệu năm 2005 Dự án Dân số thế giới của Liên hợp quốc, thì hiện nay tổng diện tích đất trên toàn thế giới là 134.682.000km², với số dân gần 7 tỷ người và mật độ dân số là 48 người/km². Diện tích đất đưa vào sản xuất trồng trọt vẫn chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng diện tích đất tự nhiên. Tuy vậy trong nhiều thập kỷ qua đất vẫn phải tạo ra một khối lượng sản phẩm lớn đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của gần 7 tỷ người. Và hàng năm một tỷ lệ dân số lớn khoảng 10% vẫn đang trong tình trạng thiếu ăn hoặc bị nạn đói đe dọa, nhất là ở các quốc gia đang phát triển ở Châu Phi và Châu Á.

Việt Nam với diện tích tự nhiên là 331.689 km² xếp thứ 55 trong tổng số hơn 200 nước trên thế giới, nhưng với dân số lớn khoảng 87 triệu người (thứ 12) và mật độ dân số đông 254 người/km² (thứ 46) nên bình quân đất tự nhiên theo đầu người thấp, chỉ khoảng 0,48ha/người, bằng 1/6 mức bình quân thế giới.